HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2008/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 7 năm 2008*

NGHỊ QUYẾT

Về quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước; Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà của nước; Thông tư số 112/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 12 tháng 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập ban hành kèm theo Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 03/BC - $KTNS_{16}$ ngày 27 tháng 3

năm 2008 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sáng Vang

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để KT);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Các sở, ban, ngành;
- Chánh, Phó Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CV.

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2008/NQ-HĐND ngày 29/7/2008 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 10)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp quản lý đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý và phân cấp quản lý tài sản xác lập quyền sở hữu Nhà nước của Uỷ ban nhân dân tỉnh với Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã (sau đây gọi chung là cấp huyện) và Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); của Uỷ ban nhân dân tỉnh với thủ trưởng các Sở, ban, ngành và cơ quan tương đương thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước;

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích tại Điều 3, Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ; trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe chuyên dùng là xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù, đột xuất, cấp bách phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội của một ngành, một lĩnh vực nhất định như: Xe cứu hỏa, xe chở rác, xe cứu thương, ...

2. Bất động sản khác là tài sản không chuyển dời đi được như khuôn viên đất đai và các công trình vật kiến trúc (không bao gồm trụ sở làm việc) gắn liền với khuôn viên đất đai đó.

3. Động sản là tài sản có thể chuyển dời đi được, gồm: Máy móc, thiết bị (không phải là phương tiện vận tải) là các loại máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của một ngành, một lĩnh vực nhất định như máy móc chuyên dùng (xe lu, cần cẩu, máy ủi, máy xúc, ...); thiết bị làm việc như: thiết bị điện tử; thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng; thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, ...; dây truyền công nghệ; những máy móc đơn lẻ và các loại tài sản khác là toàn bộ các tài sản chưa được giải thích tại Điều 3, Nghị định số 137/2006/NĐ-CP và tại mục 1, 2, 3 Điều này.

4. Tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý là các tài sản được quy định tại Điều 5, Quy định này.

Điều 4. Nội dung phân cấp gồm

1. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước.

2. Phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản nhà nước, gồm:

a) Quyết định đầu tư mua sắm tài sản nhà nước;

b) Quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước;

c) Quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước;

d) Quyết định thanh lý tài sản nhà nước;

e) Quản lý nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, xử lý tài sản nhà nước;

g) Kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước;

h) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Phân cấp về thẩm quyền xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với tài sản và xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước.

Điều 5. Tài sản nhà nước do Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý; tài sản nhà nước do Uỷ ban nhân dân cấp huyện quản lý; tài sản nhà nước do Uỷ ban nhân dân cấp xã quản lý bao gồm

1. Tài sản nhà nước do cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện, xã quản lý, sử dụng;

2. Tài sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh, huyện, xã quyết định xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật;

3. Tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý, sử dụng.

Điều 6. Quyền hạn, trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và tương đương thuộc tỉnh quản lý, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 7. Thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước cấp thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi phí và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí căn cứ vào nhu cầu hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và hiệu quả sử dụng tài sản ở đơn vị được phép trang bị thêm tài sản để phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ từ nguồn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp đơn vị được phép sử dụng và từ nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật. Việc đầu tư xây dựng, mua sắm thêm những tài sản này không được sử dụng từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Riêng đối với trụ sở làm việc và xe ô tô phục vụ công tác không được đầu tư xây dựng, mua sắm thêm vượt tiêu chuẩn, định mức đơn vị được phép sử dụng.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng; tài sản mua sắm từ nguồn kinh phí giao khoán theo cơ chế khoán biên chế và kinh phí được cấp có thẩm quyền giao tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với tài sản là phương tiện vận tải bao gồm: xe ô tô, xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà do Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với tài sản là phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác (sau đây gọi chung là động sản khác) :

a) Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà

nước đảm bảo toàn bộ chi phí thuộc tỉnh quản lý; tài sản mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của các dự án được tiếp nhận theo quy định của pháp luật, nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước được để lại theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí, đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thuộc tỉnh quản lý.

b) Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí; tài sản mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của các dự án được tiếp nhận theo quy định của pháp luật, nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước được để lại theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí, đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thuộc cấp huyện quản lý.

c) Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư mua sắm tài sản đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp xã quản lý do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí; tài sản mua sắm bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của các dự án được tiếp nhận theo quy định của pháp luật, nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản nhà nước được để lại theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí, đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thuộc cấp xã quản lý.

d) Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí được quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp đơn vị được phép sử dụng và từ nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý để giao cho đơn vị có chức năng quản lý, sử dụng hoặc xử lý bán thu tiền nộp ngân sách nhà nước theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính gồm:

- Trụ sở làm việc (bao gồm cả quyền sử dụng đất) và tài sản là bất động sản khác;

- Phương tiện vận tải là ô tô; xe chuyên dùng; ca nô; tàu; phà.

- Tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b) Quyết định thu hồi tài sản của dự án đã kết thúc do đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý để giao cho đơn vị có chức năng quản lý, sử dụng hoặc xử lý bán thu tiền nộp ngân sách nhà nước theo đề nghị của thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc Sở Tài chính.

c) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thu hồi những tài sản của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Trung

ương quản lý đóng tại địa bàn do sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định nhưng không được cơ quan có thẩm quyền xử lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý, đối với tài sản nhà nước là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

3. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định trong phạm vi đơn vị dự toán trực thuộc mình quản lý để giao cho đơn vị có chức năng quản lý, sử dụng hoặc xử lý theo quy định đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản;

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện và UBND cấp xã quản lý để giao cho đơn vị có chức năng quản lý, sử dụng hoặc xử lý bán thu tiền nộp ngân sách nhà nước đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã.

5. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định trong phạm vi các đơn vị trực thuộc của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã Quyết định thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định trong phạm vi cấp xã quản lý đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, đối với các tài sản:

- Trụ sở làm việc và các bất động sản khác.

- Xe ô tô, xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà

- Động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

- Tài sản của dự án đã kết thúc.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

a) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập:

- Giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

- Giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với cấp huyện.

- Giữa cấp huyện với cấp huyện.

Trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

b) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các đơn vị trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, cấp xã đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước trong phạm vi các đơn vị dự toán trực thuộc mình quản lý đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập:

- Giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

- Giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện với cấp xã.

- Giữa cấp xã với cấp xã.

Trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã và các cơ quan liên quan đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp huyện, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc mình quản lý đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước là :

- Trụ sở làm việc (bao gồm cả quyền sử dụng đất) và bất động sản khác;

- Xe ô tô, xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

- Động sản khác của các đơn vị hành chính sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

b) Quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước là động sản khác do UBND cấp huyện quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước đối với tài sản là động sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện quản lý và Uỷ ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch huyện; thị xã.

3. Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí được quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước được mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp đơn vị được phép sử dụng và từ nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của cơ quan, đơn vị và Giám đốc Sở Tài chính đối với tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản; nhà, công trình xây dựng, tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản đối với tài sản hết thời hạn sử dụng, không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác hoặc đã bị hư hỏng không còn sử dụng được hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn, không hiệu quả;

b) Phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý đối với tài sản: Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/1 đơn vị tài sản; nhà, công trình xây dựng khác, tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản đối với tài sản hết thời hạn sử dụng, không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác hoặc đã bị hư hỏng không còn sử dụng được, hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn, không hiệu quả theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện;

3. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản thuộc nội bộ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh đối với tài sản là nhà và công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có

thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản; tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản đã bị hư hỏng, không còn sử dụng được, hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn, không hiệu quả.

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thanh lý tài sản thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp huyện quản lý đối với tài sản là nhà và công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản; tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đến dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản đã bị hư hỏng không còn sử dụng được, hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn, không hiệu quả theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã.

5. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện, cấp xã:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước thuộc nội bộ cơ quan, đơn vị mình quản lý đối với tài sản là động sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/1 đơn vị tài sản đã bị hư hỏng không còn sử dụng được, hoặc nếu tiếp tục sử dụng phải chi phí sửa chữa quá lớn, không hiệu quả.

6. Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí được quyết định thanh lý tài sản nhà nước mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ phúc lợi, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp đơn vị được phép sử dụng và từ nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước

1.Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều tra thống kê tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức kiểm kê tài sản nhà nước tại đơn vị định kỳ hàng năm theo pháp luật về kế toán thống kê và kiểm kê, thống kê tài sản theo quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

a. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

b. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định việc thanh tra kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong nội bộ cơ quan, đơn vị và các đơn vị thuộc quyền quản lý.

2. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản nhà nước. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và quy định này.

Chương III
PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 15. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản Nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước:

a) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tài sản của người bị kết án thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự.

c) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Đối với tài sản khác:

2.1- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản nhà nước đối với các tài sản quy định tại mục a, khoản 2, Điều 17 Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ.

2.2- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản là:

- Bất động sản được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

- Vật bị chôn vùi, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy nhưng không xác định được chủ sở hữu có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn nước ngoài do địa phương quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam;

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quản lý.

2.3- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật đối với tài sản là:

- Vật bị chôn vùi, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy nhưng không xác định được chủ sở hữu có giá trị dưới 100 triệu đồng trên địa bàn quản lý do cơ quan chức năng phát hiện.

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện và UBND cấp xã quản lý.

Điều 16. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước TT 166

1. Lập phương án xử lý tài sản:

Cơ quan quản lý hoặc được tạm giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước gửi Sở Tài chính (đối với tài sản xác lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh) để chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản; gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã (đối với tài sản xác lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện) để chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Phê duyệt phương án xử lý tài sản:

a) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước, thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đã được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo thẩm quyền đối với các tài sản quy định tại điểm a khoản này và phê duyệt phương án xử lý tài sản đã được xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm 2.2, Khoản 2, Điều 15 quy định này;

c) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đã được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo thẩm quyền đối với các tài sản quy định tại điểm a khoản này và phê duyệt phương án xử lý tài sản đã được xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm 2.3, Khoản 2 Điều 15 quy định này.

Chương IV
PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI LIÊN QUAN ĐẾN XỬ LÝ TÀI SẢN

Điều 17. Phân cấp nguồn thu

1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản nhà nước, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước và tài sản tịch thu thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp nào tại quy định này

thì được nộp vào ngân sách cấp đó sau khi trừ đi chi phí xử lý tài sản hợp lý có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan, cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 9.4, mục 9, phần II Thông tư số 112/2006/TT-BTC ngày 27/12/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập, ban hành kèm theo Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Phân cấp nhiệm vụ chi

1. Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản nhà nước, tài sản xác lập quyền sở hữu nhà nước và tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước được sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản.

2. Trường hợp xử lý tài sản không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách nhà nước chi trả. Tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp nào tại quy định này thì ngân sách cấp đó chi trả. Đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí và tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thì sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp của đơn vị để chi trả.

3. Trường hợp tài sản điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp

1. Quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước theo phân cấp tại quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán chuyển đổi sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp mình quản lý theo quy định của pháp luật và thẩm quyền tại quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước do tỉnh quản lý.

2. Hướng dẫn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước theo quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật liên quan và quy định này.

4. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính tình hình thực hiện phân cấp và tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại địa phương theo quy định;

Điều 21. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo phân cấp tại quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước;

3. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả;

4. Thực hiện chế độ kê khai đăng ký, báo cáo tài sản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

5. Công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị;

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, theo phạm vi quản lý. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này. Quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý kịp thời./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4